

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 LẦN 1 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2015100	Nguyễn Đức Nghĩa	26/05/2002		Chính trị học	
2	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112134	Huỳnh Thanh Tú	16/02/2003		Chính trị học	
3	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112133	Huỳnh Minh Triển	02/12/2003		Chính trị học	
4	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112130	Trần Đức Thành	17/02/2003		Chính trị học	
5	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112128	Nguyễn Mai Phúc Tân	26/12/2003		Chính trị học	
6	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112127	Nguyễn Kiến Quốc	02/09/2003		Chính trị học	
7	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112126	Mai Hiền Phục	28/12/2003	N	Chính trị học	
8	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112125	Huỳnh Chấn Phong	24/08/2003		Chính trị học	
9	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112124	Châu Cao Phén	12/01/2003		Chính trị học	
10	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112121	Nguyễn Thị Bích Như	17/12/2003	N	Chính trị học	
11	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112117	Lâm Mỹ Ngọc	22/02/2003	N	Chính trị học	
12	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112116	Lê Thị Kim Ngân	13/04/2003	N	Chính trị học	
13	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112113	Nguyễn Tấn Lộc	26/06/2003		Chính trị học	
14	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112111	Nguyễn Tuấn Kiệt	25/04/2003		Chính trị học	
15	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112109	Võ Thị Thanh Hương	05/11/2003	N	Chính trị học	
16	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112108	Võ Như Huỳnh	08/12/2003	N	Chính trị học	
17	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112107	Bùi Diễm Huỳnh	17/03/2003	N	Chính trị học	
18	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112102	Trần Quốc Hiếu	28/08/2003		Chính trị học	
19	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112101	Nguyễn Thị Ngọc Hân	20/09/2003	N	Chính trị học	
20	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112098	Phạm Thùy Dung	09/06/2003	N	Chính trị học	
21	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112097	Đoàn Công Bằng	06/03/2003		Chính trị học	
22	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112096	Trương Nhựt Bằng	22/07/2003	N	Chính trị học	
23	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112095	Liêu Thị Trâm Anh	20/07/2003	N	Chính trị học	
24	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112094	Lâm Tuấn Anh	15/12/2003		Chính trị học	
25	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2105818	Phan Thị Ngọc Trâm	23/06/2003	N	Chính trị học	
26	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2105813	Nguyễn Toàn Thiện	12/11/2003		Chính trị học	
27	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2105794	Nguyễn Hải Đặng	27/02/2003		Chính trị học	
28	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112092	Phan Tạ Nhật An	26/03/2003		Chính trị học	
29	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B1910840	Trần Quốc Bảo	02/02/1998		Chính trị học	
30	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112950	Võ Thị Huỳnh Ý	04/11/2003	N	Giáo dục Công dân	
31	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112949	Đỗ Thị Như Ý	18/04/2003	N	Giáo dục Công dân	
32	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112948	Võ Hồng Yến	28/02/2003	N	Giáo dục Công dân	
33	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112947	Trần Thị Kim Xuyên	08/06/2003	N	Giáo dục Công dân	
34	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112946	Ông Trần Nguyên Vy	07/08/2003	N	Giáo dục Công dân	
35	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112945	Nguyễn Ngọc Tường Vy	18/11/2003	N	Giáo dục Công dân	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
36	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112944	Lưu Nhật Vĩ	16/07/2003		Giáo dục Công dân	
37	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112942	Đinh Thị Kim Tươi	24/07/2003	N	Giáo dục Công dân	
38	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112939	Võ Ngọc Trân	07/06/2003	N	Giáo dục Công dân	
39	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112937	Nguyễn Thị Trang	09/04/2003	N	Giáo dục Công dân	
40	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112936	Phạm Hải Tịnh	06/08/2003		Giáo dục Công dân	
41	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112934	Trần Minh Thư	04/03/2003	N	Giáo dục Công dân	
42	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112933	Nguyễn Phương Thùy	26/03/2003	N	Giáo dục Công dân	
43	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112930	Nguyễn Nhật Thanh	09/08/2003		Giáo dục Công dân	
44	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112929	Huỳnh Thanh Thanh	17/09/2003	N	Giáo dục Công dân	
45	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112928	Võ Ngọc Như Quỳnh	12/08/2003	N	Giáo dục Công dân	
46	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112923	Lâm Kim Phụng	02/08/2003	N	Giáo dục Công dân	
47	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112922	Nguyễn Hồng Phúc	27/08/2003		Giáo dục Công dân	
48	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112921	Ngô Trọng Phúc	22/03/2003		Giáo dục Công dân	
49	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112919	Lê Hoài Phong	22/02/2003		Giáo dục Công dân	
50	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112918	Nguyễn Văn Phát	01/11/2003		Giáo dục Công dân	
51	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112917	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	08/04/2003	N	Giáo dục Công dân	
52	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112915	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12/01/2003	N	Giáo dục Công dân	
53	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112914	Trần Thị Nhi	24/04/2003	N	Giáo dục Công dân	
54	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112913	Lê Thị Kim Nhẫn	10/05/2003	N	Giáo dục Công dân	
55	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112912	Phan Lê Thủy Nguyên	26/11/2003	N	Giáo dục Công dân	
56	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112907	Võ Hữu Nghị	15/12/2003		Giáo dục Công dân	
57	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112905	Nguyễn Thị Cẩm Ngân	07/08/2003	N	Giáo dục Công dân	
58	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112902	Châu Kim Ngân	22/02/2003	N	Giáo dục Công dân	
59	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112901	Châu Kim Ngân	26/06/2003	N	Giáo dục Công dân	
60	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112898	Trần Quý Minh	30/06/2003	N	Giáo dục Công dân	
61	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112897	Võ Kiều Lam	27/05/2003	N	Giáo dục Công dân	
62	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112896	Nguyễn Kim Kiều	07/04/2003	N	Giáo dục Công dân	
63	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112894	Trần Diệp Khanh	13/03/2003	N	Giáo dục Công dân	
64	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112893	Đoàn Văn Khang	12/08/2003		Giáo dục Công dân	
65	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112892	Phan Lệ Huyền	09/09/2003	N	Giáo dục Công dân	
66	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112891	Nguyễn Minh Hiệp	09/11/2003		Giáo dục Công dân	
67	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112890	Nguyễn Thành Được	24/08/2003		Giáo dục Công dân	
68	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112889	Nguyễn Phan Hải Đăng	18/04/2003		Giáo dục Công dân	
69	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112888	Lê Thị Diễm	07/06/2003	N	Giáo dục Công dân	
70	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112884	Nguyễn Chí Bảo	16/07/2003		Giáo dục Công dân	
71	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2112882	Hàn Nguyễn Minh Anh	02/11/2003	N	Giáo dục Công dân	
72	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100689	Trần Thị Tường Vi	05/01/2003	N	Giáo dục Công dân	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
73	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100685	Tổng Thị Kiều Trinh	10/10/2003	N	Giáo dục Công dân	
74	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100681	Trần Đăng Gia Thư	04/03/2003	N	Giáo dục Công dân	
75	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100678	Lâm Ngọc Thu	03/06/2003	N	Giáo dục Công dân	
76	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100677	Nguyễn Thị Kim Thoa	10/01/2003	N	Giáo dục Công dân	
77	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100671	Huỳnh Phương Quyên	09/05/2003	N	Giáo dục Công dân	
78	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100669	Lâm Kim Phụng	13/03/2003	N	Giáo dục Công dân	
79	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100665	Phan Thị Huỳnh Nhó	25/04/2002	N	Giáo dục Công dân	
80	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100662	Hồ Thị Yên Nhi	16/01/2003	N	Giáo dục Công dân	
81	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100660	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	13/09/2003	N	Giáo dục Công dân	
82	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100655	Nguyễn Thị Ngọc Lam	02/11/2003	N	Giáo dục Công dân	
83	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100654	Nguyễn Lê Khánh	02/02/2003		Giáo dục Công dân	
84	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100651	Lê Hoàng Huy	23/08/2003		Giáo dục Công dân	
85	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100650	Thạch Thị Kiều Hoa	27/10/2003	N	Giáo dục Công dân	
86	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100647	Nguyễn Bé Hai	19/07/2002	N	Giáo dục Công dân	
87	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2100646	Đào Thị Hồng Gấm	04/08/2003	N	Giáo dục Công dân	
88	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2016469	Đặng Thị Mỹ Trân	09/09/2001	N	Giáo dục Công dân	
89	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2016414	Nguyễn Thanh Hậu	10/12/2002		Giáo dục Công dân	
90	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2016392	Bùi Tường Vi	05/12/2002	N	Giáo dục Công dân	
91	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2000695	Trần Thị Thanh Trúc	21/08/2002	N	Giáo dục Công dân	
92	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111080	Nguyễn Thảo Vy	04/11/2003	N	Triết học	
93	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111078	Nguyễn Lam Tường	29/05/2003	N	Triết học	
94	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111076	Nguyễn Khánh Tuyền	06/07/2003	N	Triết học	
95	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111074	Nguyễn Quốc Tuấn	09/11/2003		Triết học	
96	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111073	Đinh Thị Bảo Trân	05/09/2003	N	Triết học	
97	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111071	Nguyễn Quốc Tiến	08/01/2003		Triết học	
98	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111070	Võ Trí Thức	24/09/2003		Triết học	
99	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111069	Trầm Đỗ Thanh Thủy	04/12/2003	N	Triết học	
100	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111068	Lưu Hoàng Thành	30/03/2003		Triết học	
101	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111066	Nguyễn Ngọc Phương Thanh	23/10/2003	N	Triết học	
102	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111065	Khương Như Quỳnh	24/11/2002	N	Triết học	
103	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111064	Dương Triệu Phương	29/05/2003	N	Triết học	
104	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111061	Đặng Minh Nhựt	19/05/2003		Triết học	
105	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111057	Nguyễn Thị Kim Ngân	19/10/2003	N	Triết học	
106	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111056	Lê Thị Kim Ngân	07/04/2003	N	Triết học	
107	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111054	Lê Thị Tuyết Muội	01/01/2003	N	Triết học	
108	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111048	Mai Huỳnh Đức	01/11/2003		Triết học	
109	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2111044	Lâm Nguyễn Phương Danh	12/06/2003		Triết học	

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
110	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104940	Triệu Trần Như Ý	21/03/2002	N	Triết học	
111	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104939	Nguyễn Kim Yến	21/10/2003	N	Triết học	
112	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104935	Võ Thị Mỹ Tuyền	05/03/2003	N	Triết học	
113	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104921	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	29/09/2003	N	Triết học	
114	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104913	Trần Ngọc Ngân	14/05/2003	N	Triết học	
115	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104909	Huỳnh Hữu Lực	03/05/2003		Triết học	
116	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104908	Phạm Nguyễn Gia Linh	22/08/2003	N	Triết học	
117	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104900	Nguyễn Tiến Đạt	13/08/2003		Triết học	
118	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2104899	Thạch Thị Chanh Đa	23/07/2003	N	Triết học	
119	ML	1879/QĐ-ĐHCT	23/05/2025	B2013639	Mai Hoàng Tấn	02/07/2002		Triết học	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ